

## THIẾT KẾ XỬ LÝ - THỐNG KÊ LƯƠNG

### 1. Danh sách các kiểu dữ liệu

STT	kiểu dữ liệu	ý nghĩa	ghi chú
1	Date	Dùng để lưu trữ thời gian chọn làm mốc thống kê	
2	Float	Dùng để tính tổng lương bằng số liệu	
3	Varchar	Dùng để lưu tên thông tin dịch vụ	
4	List	Dùng để lưu danh sách lương các phòng ban đã thống kê	
5	Int	Dùng để lưu dữ liệu số tháng và năm	

### 2. Danh sách các biến

STT	Biến	Kiểu	Ý nghĩa	Ghi chú
1	ThangBD, ThangKT	Int	Tháng bắt đầu và kết thúc thống kê	
2	NamBD, NamKT	Int	Năm bắt đầu và kết thúc thống kê	
3	ListLuong	List	Danh sách các bảng lương	
4	PhongBan	varchar	Tên phòng ban cần thống kê	Nếu người dùng không chọn mặc định tên phòng ban là tất cả

### 3. Danh sách các hằng

STT	Hằng	Kiểu	Giá trị	Ý nghĩa	Ghi chú
	N/A				

### 4. Danh sách các hàm xử lý

STT	Hàm	Tham số	Kết quả trả về	Thuật giải	Ý nghĩa	Ghi chú
1	getPhongBan()	N/A	Phòng ban cần thống kê - PhongBan			
2	ThongKe()	PhongBan	Danh sách thống kê lương - ListLuong	B1: Lấy dữ liệu từ các mốc thời gian và dữ liệu phòng ban đã chọn trước khi thống kê. B2: Thực hiện truy xuất các tháng lương từ bảng lương nhân viên tương ứng với thời gian và phòng ban đã đưa vào trước đó. B3: Tiến hành tính tổng lương nhân viên và lưu kết quả vào danh sách ListLuong và kết thúc.	Xử lý thống kê	
3	ShowTable()	ListLuong	Bảng lương nhân viên	B1:Lấy kết quả trả về của hàm ThongKe() trước đó và hiển thị danh sách thống kê ra bảng.	Hiển thị kết quả thống kê	